Số: 11912/STC-QLNS
Thời gian ký: 2026-10-15T14:23:14+07:00

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO
DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2027 CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**	
1. Phạm vi điều chỉnh	**1. Phạm vi điều chỉnh**	
Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2026, năm kéo dài của thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025.	Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027 trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.	Điều chỉnh năm áp dụng từ 2026 sang 2027, cập nhật căn cứ pháp lý theo Nghị quyết 12/2025/UBTVQH16.
2. Đối tượng áp dụng	**2. Đối tượng áp dụng**	
a) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan khác cấp thành phố; các xã, phường và đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã và các cơ quan khác cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	a) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan khác cấp thành phố; các xã, phường và đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã và các cơ quan khác cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	Không thay đổi
b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.	b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.	Không thay đổi
Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương	**Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương**	
1. Nguyên tắc	**1. Nguyên tắc**	
a) Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2026, kế hoạch tài chính - ngân sách địa phương.	a) Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2027 và kế hoạch tài chính - ngân sách địa phương.	Cập nhật theo quy định mới của Trung ương về kế hoạch tài chính - ngân sách địa phương.

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
b) Định mức phân bổ chi thường xuyên thể hiện tính công bằng, hợp lý và công khai minh bạch trong phân bổ ngân sách các cấp; đồng thời là cơ sở để xây dựng dự toán chi thường xuyên cho 02 cấp ngân sách: Ngân sách cấp thành phố, và ngân sách xã, phường (cấp xã).	b) Định mức phân bổ chi thường xuyên thể hiện tính công bằng, hợp lý và công khai, minh bạch trong phân bổ ngân sách các cấp; đồng thời là cơ sở để xây dựng dự toán chi thường xuyên cho 02 cấp ngân sách: Ngân sách cấp thành phố, và ngân sách xã, phường (cấp xã).	Không thay đổi
c) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên gắn với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cấp chính quyền để đảm bảo cho các cấp, các ngành chủ động trong điều hành và tạo nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố.	c) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên gắn với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cấp chính quyền để đảm bảo cho các cấp, các ngành chủ động trong điều hành và tạo nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố.	Không thay đổi
d) Định mức phân bổ chi thường xuyên theo nguyên tắc đảm bảo chi trả đủ lương và các khoản có tính chất lương, sau đó mới đến nhiệm vụ chi thường xuyên khác. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.	d) Định mức phân bổ chi thường xuyên theo nguyên tắc đảm bảo kinh phí chi trả đầy đủ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ, sau đó mới phân bổ đến nhiệm vụ chi thường xuyên khác. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng giảm tỷ trọng chi thường xuyên gắn với sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội của Đảng và Nhà nước; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, tự lực, tự cường của các cấp, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.	Cập nhật bổ sung phù hợp tình hình thực tế tại địa phương
đ) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.	đ) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.	Không thay đổi

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
e) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành.	e) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, bảo đảm kinh phí chi tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ theo mức lương cơ sở 2.530.000 đồng/tháng, kinh phí hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được ban hành đến thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 12/2026/UBTVQH16 ngày 29 tháng 7 năm 2026.	Cập nhật, bổ sung theo quy định Nghị quyết 12/2026/UBTVQH16 ngày 29/7/2026
	g) Trong phạm vi khả năng cân đối, ngân sách thành phố hỗ trợ các địa phương kinh phí thực hiện các chính sách chưa tính trong định mức quy định tại điểm e khoản này và các chính sách, chế độ mới được ban hành sau thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.	Bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương
	h) Trường hợp dự toán chi thường xuyên của lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề; dự toán chi thường xuyên (không bao gồm lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề và lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số) của từng xã, phường tính theo định mức quy định tại điểm e khoản này thấp hơn dự toán đầu năm 2026 (đã tính đủ kinh phí chi ngân sách nhà nước thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội) được ngân sách thành phố hỗ trợ để đảm bảo không thấp hơn.	Bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương
2. Tiêu chí	**2. Tiêu chí**	
a) Tiêu chí dân số: Xác định theo số liệu dân số năm 2025 do Thống kê thành phố cung cấp.	a) Tiêu chí dân số: Dân số của từng xã, phường được xác định theo số liệu dân số dự kiến năm 2027 do Thống kê thành phố cung cấp.	Không thay đổi
b) Tiêu chí biên chế	b) Tiêu chí biên chế: Biên chế được xác định trên cơ sở quyết định giao biên chế năm 2026 của cấp có thẩm quyền.	
- Từng cấp ngân sách: Áp dụng theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026.		
- Từng đơn vị dự toán: tính theo biên chế hiện có năm 2025.		
c) Tiêu chí khác	c) Tiêu chí khác	

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
- Phân bổ dự toán theo số Trung ương giao, theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách.	- Phân bổ dự toán theo tiêu chí bổ sung như: đô thị, trung tâm hành chính, số Trung ương giao, theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách.	Bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương
- Phân bổ dự toán theo nhiệm vụ được giao và đặt hàng phục vụ nhiệm vụ chính trị.	- Phân bổ dự toán theo nhiệm vụ được giao và đặt hàng phục vụ nhiệm vụ chính trị.	Không thay đổi
- Phân bổ dự toán theo số lượng của đề án vị trí việc làm được phê duyệt; theo khoảng cách.	- Phân bổ dự toán theo số lượng của đề án vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt.	Không thay đổi
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, do đó không tính định mức chi cụ thể, ngân sách chỉ cấp phần chênh lệch thu, chi (do thu không đủ chi).	- Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, do đó không tính định mức chi cụ thể, ngân sách chỉ cấp phần chênh lệch thu, chi (do thu không bù đắp đủ chi).	Bổ sung theo quy định trung ương và để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương
- Các xã, phường không thành lập/có thành lập Trung tâm Chính trị.		
Điều 4. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 Quy định cụ thể tại Phụ lục đính kèm theo Nghị quyết	**Điều 4. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027 Quy định cụ thể tại Phụ lục đính kèm theo Nghị quyết**	
1. Chi sự nghiệp giáo dục	**1. Chi sự nghiệp giáo dục**	
a) Cấp thành phố	**a) Cấp thành phố**	
- Chi cho con người (bao gồm tiền lương, phụ cấp thường xuyên và các khoản có tính chất lương): theo mức lương thực tế và biên chế được giao, tương đương 81% tổng chi .	- Chi cho con người (bao gồm tiền lương, phụ cấp thường xuyên và các khoản có tính chất lương): theo mức lương thực tế và biên chế được giao, tương đương 81% tổng chi.	Không thay đổi
- Chi hoạt động: tương đương 19% tổng chi.	- Chi hoạt động: tương đương 19% tổng chi.	Không thay đổi
b) Cấp xã	**b) Cấp xã**	

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
Chi cho con người (bao gồm tiền lương, phụ cấp thường xuyên và các khoản có tính chất lương): theo mức lương thực tế và biên chế được giao, tương đương 81% tổng chi.	Trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và học bổng cho học sinh dân tộc nội trú), tiền thưởng theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao tối đa 81%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập (không bao gồm tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản có tính chất lương) tối thiểu 19% (chưa bao gồm chi từ nguồn thu học phí), đối với biên chế chưa tuyển dụng đủ theo chỉ tiêu biên chế được giao được tính theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp theo quy định.	Cập nhật, bổ sung theo quy định Nghị quyết 12/2026/UBTVQH16 và tình hình thực tế tại địa phương
Chi hoạt động (tương đương 19% tổng chi): Định mức nêu trên đảm bảo chi cho toàn bộ hoạt động thường xuyên, nghiệp vụ chuyên môn; kinh phí chi trả cho hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ; chi mua sắm dụng cụ dạy học, sửa chữa thường xuyên, triển khai các chương trình tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, chi cho hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng... và khen thưởng.	- Định mức phân bổ chi trên bao gồm: Tính đủ, đảm bảo tất cả các nhiệm vụ chi cho các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục; chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú; chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực giáo dục đã ban hành theo phân cấp. - Định mức chi hoạt động nêu trên đảm bảo chi có tất cả các nhiệm vụ chi hoạt đông thuyền xuyên, nghiệp vụ chuyên môn; kinh phí chi trả cho các đối tượng hợp đồng lao động theo quy định; chi mua sắm dụng cụ dạy học, sửa chữa thường xuyên, triển khai các chương trình tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, chi cho hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, chi khen thưởng và các khoản chi hoạt động khác theo phân cấp.	
Phân bổ theo tiêu chí bổ sung đảm bảo các chế độ, chính sách: Chính sách phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và các chính sách giáo dục khác theo quy định (nếu có) được cấp thẩm quyền ban hành tính đến ngày 01/09/2025.	Phân bổ theo tiêu chí bổ sung kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các chính sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo số kinh phí được Trung ương phân bổ và chế độ quy định, gồm: Chính sách phát triển giáo dục mầm non; Chính sách hỗ trợ học bổng và phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật; Chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên cùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hảo đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.	Cập nhật bổ sung theo quy định Nghị quyết 12/2026/UBTVQH16 và tình hình thực tế tại địa phương
2. Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	**2. Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề**	
a) Cấp thành phố	**a) Cấp thành phố**	

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, do đó không tính định mức chi cụ thể, ngân sách chỉ cấp phần chênh lệch thu, chi (do thu không đủ chi).	- Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, do đó không tính định mức chi cụ thể, ngân sách chỉ cấp phần chênh lệch thu, chi (do thu không bù đắp đủ chi).	Bổ sung theo quy định trung ương và để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương
b) Cấp xã:	**b) Cấp xã:**	
- Đối với các xã, phường không có thành lập Trung tâm Chính trị: 900 triệu đồng/năm - Đối với xã, phường có thành lập Trung tâm Chính trị: 1.000 triệu đồng/năm	- Đối với các đơn vị đào tạo chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp), tiền thưởng và hoạt động theo định mức quy định tại Mục 1 Phụ lục này. - Hoạt động đào tạo tại cấp xã, định mức chi 500 triệu đồng/xã, phường/năm.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp tình hình thực tế tại cấp xã khi thực hiện chính quyền 02 cấp
3. Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	**3. Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
a) Cấp thành phố:	**a) Cấp thành phố:**	
Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, do đó không tính định mức chi cụ thể, ngân sách chỉ cấp phần chênh lệch thu, chi (do thu không đủ chi). Phân bổ cho y tế dự phòng, y tế cơ sở đạt tối thiểu 30% dự toán chi sự nghiệp y tế.	Thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, do đó không tính định mức chi cụ thể, ngân sách chỉ cấp phần chênh lệch thu, chi (do thu không bù đắp đủ chi). Phân bổ cho y tế dự phòng, y tế cơ sở đạt tối thiểu 30% dự toán chi sự nghiệp y tế.	Bổ sung theo quy định trung ương và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương
b) Cấp xã	**b) Cấp xã**	

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
	- Theo tiêu chí dân số là 80.000 đồng/người dân/năm.	Bổ sung mới theo quy định trung ương và tình hình thực hiện tại địa phương khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp
	- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Hỗ trợ kinh phí cho y tế dự phòng đạt tối thiểu 30% tổng chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (áp dụng cho toàn địa bàn thành phố); ưu tiên cho y tế cơ sở ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần và các lĩnh vực khác theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới.	Bổ sung mới theo quy định trung ương và tình hình thực hiện tại địa phương khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp
4. Chi quản lý hành chính (cơ quan Đảng, đoàn thể và quản lý nhà nước)	**4. Chi quản lý hành chính (cơ quan Đảng, đoàn thể và quản lý nhà nước)**	
a) Cấp thành phố	**a) Cấp thành phố**	
* Đối với cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế	* Đối với cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế	
- Chi tiền lương, phụ cấp thường xuyên và các khoản có tính chất lương: thoe mức lương thực tế và biến chế được giao.	- Chi tiền lương, phụ cấp thường xuyên và các khoản có tính chất lương, tiền thưởng: theo mức lương thực tế và biến chế được giao.	
- Chi hoạt động	- Chi hoạt động	
+ Đối với Văn phòng Thành ủy, Các Ban Đảng, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 57 Triệu đồng/người/ năm.	+ Đối với Văn phòng Thành ủy, Các Ban Đảng, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 60 Triệu đồng/người/ năm.	Tăng phù hợp với tình hình thực tế
+ Đối với các sở và tương đương: Đơn vị dưới 21 biên chế: 53 Triệu đồng/người/năm Đơn vị từ 21 đến 40 biên chế: 51 Triệu đồng/người/năm Đơn vị trên 40 biên chế: 50 Triệu đồng/người/năm Các Chi cục, Ban và tương đương 47 Triệu đồng/người/năm Các đơn vị sự nghiệp công lập: 45 Triệu đồng/người/năm.	+ Đối với các sở và tương đương: Từ biên chế thứ 50 trở xuống: 57 triệu đồng/biên chế/năm. Từ biên chế thứ 51 đến 100: 55 triệu đồng/biên chế/năm. Từ biên chế thứ 101 trở lên: 54 triệu đồng/biên chế/năm. Các đơn vị trực thuộc Sở và tương đương: Từ biên chế thứ 50 trở xuống: 54 triệu đồng/biên chế/năm. Từ biên chế thứ 51 đến 100: 52 triệu đồng/biên chế/năm. Từ biên chế thứ 101 trở lên: 51 triệu đồng/biên chế/năm.	Tăng phù hợp với tình hình thực tế

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
** Đối với nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP Chi tiền công lao động hợp đồng: theo mức tiền công thực tế và số lượng theo đề an vị trí việc làm được phê duyệt Chi hoạt động: 20 triệu đồng/người/năm.	** Đối với nhân viên hợp đồng (hợp đồng công việc hỗ trợ, phục vụ) theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP và Nghị định số 235/2026/NĐ-CP và hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ để thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ của công chức nằm trong định mức chi hoạt động chi thường xuyên đối với công chức và viên chức.	Cập nhật phù hợp theo quy định Nghị quyết 12/2026/UBTVQH16 và tình hình thực tế tại địa phương
b) Cấp xã	**b Cấp xã**	
- Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương đối với số biên chế được giao tính theo quy định hiện hành. Đối với số biên chế chưa tuyển dụng đủ theo chỉ tiêu biên chế được giao được tính theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp theo quy định.	- Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp), tiền thưởng hàng năm giao theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, đối với biên chế chưa tuyển dụng đủ theo chỉ tiêu biên chế được giao được tính theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp theo quy định (loại trừ đối tượng cán bộ không chuyên trách ở ấp, khu vực).	Cập nhật, bổ sung phù hợp tình hình thực tế tại địa phương
- Chi hoạt động thường xuyên	- Chi hoạt động	
+ Văn phòng Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 55 triệu đồng/biên chế/năm.	+ Văn phòng Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 57 triệu đồng/năm/biên chế.	Tăng phù hợp với tình hình thực tế
+ Các phòng, ban: 50 triệu đồng/biên chế/năm	+ Các phòng, ban chuyên môn và trung tâm phục vụ hành chính công: 55 triệu đồng/năm/biên chế.	Tăng phù hợp với tình hình thực tế
+ Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân: 45 triệu đồng/biên chế/năm.		Điều chỉnh bãi bỏ định mức hoạt động đơn vị sự nghiệp cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương
Định mức kinh phí hoạt động nêu trên đã bao gồm:	Định mức kinh phí hoạt động nêu trên đã bao gồm:	
- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,…	- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,…	

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; đánh giá giám sát đầu tư;....	- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; đánh giá giám sát đầu tư;....	Cập nhật, bổ sung phù hợp tình hình thực tế tại địa phương
- Kinh phí sửa chữa thường xuyên đối với trụ sở, ô tô phục vụ công tác chung và chức danh, tài sản khác; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.	- Kinh phí sửa chữa thường xuyên đối với trụ sở, ô tô phục vụ công tác chung và chức danh, tài sản khác; Kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức và các khoản chi hoạt động khác theo quy định.	
c) Đối với hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ		Điều chỉnh bãi bỏ định mức hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ do đã tính vào định mức chi lương, phụ cấp, các khoản theo lương, tiền thưởng và định mức hoạt động
- Chi tiền công lao động hợp đồng: theo mức tiền công thực tế và số lượng theo đề an vị trí việc làm được phê duyệt		
- Chi hoạt động: 20 triệu đồng/người/năm		
	- Khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và Nghị quyết số 40/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	Cập nhật, bổ sung phù hợp quy định Trung ương và tình hình thực tế tại địa phương
- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung đảm bảo các nhiệm vụ chi đặc thù của cấp ủy, HĐND, UBND các xã, phường: 3.000 triệu đồng/xã, phường/năm.	- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung hỗ trợ kinh phí cho các nhiệm vụ chi đặc thù của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các nhiệm vụ phát sinh khác của cấp xã theo tiêu chí 3.500 triệu đồng/xã, phường/năm.	Điều chỉnh tăng định mức hỗ trợ địa phương
	- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung hỗ trợ kinh phí trung tâm phục vụ hành chính công: 1.000 triệu đồng/xã, phường/năm.	Điều chỉnh tăng định mức hỗ trợ địa phương
- Tiêu chí bổ sung đối với các xã, phường có khoảng cách xã Trng tâm thành phố:	- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung đối với các xã, phường có khoảng cách xã Trng tâm thành phố:	Không thay đổi
+ Trên 80 km: 1.000 triệu đồng/xã, phường/năm	+ Trên 80 km: 1.000 triệu đồng/xã, phường/năm	

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
+ Từ trên 60 km đến 80 km: 800 triêu đồng/xã, phường/năm	+ Từ trên 60 km đến 80 km: 800 triêu đồng/xã, phường/năm	
+ Từ trên 40 km đến 60 km: 600 triêu đồng/xã, phường/năm	+ Từ trên 40 km đến 60 km: 600 triêu đồng/xã, phường/năm	
+ Từ trên 20 km đến 40 km: 400 triêu đồng/xã, phường/năm	+ Từ trên 20 km đến 40 km: 400 triêu đồng/xã, phường/năm	
5. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	**5. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
a) Cấp thành phố: Được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách; Các đơn vị sự nghiệp công lập Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	**a) Cấp thành phố:** Được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách; Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, do đó không tính định mức chi cụ thể, ngân sách chỉ cấp phần chênh lệch thu, chi (do thu không bù đắp đủ chi).	
b) Cấp xã	**b) Cấp xã**	
- Phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số: 20.000 đồng/người dân/năm.	- Phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số: 25.000 đồng/người dân/năm.	Điều chỉnh tăng định mức hỗ trợ địa phương
- Phân bổ theo tiêu chi bổ sung: Phân bổ chi hoạt động sự nghiệp văn hóa - thông tin đối với các xã, phường, có nhà văn hóa thiếu nhi theo tiêu chí dân số: 7.000 đồng/người dân/năm.	- Phân bổ theo tiêu chi bổ sung: Phân bổ chi hoạt động sự nghiệp văn hóa - thông tin đối với các xã, phường, có nhà văn hóa thiếu nhi theo tiêu chí dân số: 10.000 đồng/người dân/năm.	Điều chỉnh tăng định mức hỗ trợ địa phương
6. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	**6. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình**	
a) Cấp thành phố: Đặt hàng phục vụ nhiệm vụ	**a) Cấp thành phố:** Đặt hàng phục vụ nhiệm vụ	
b) Cấp xã: Phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình (truyền thanh) đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số: 10.000 đồng/người dân/năm.	**b) Cấp xã:** Phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình (truyền thanh) đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số: 12.000 đồng/người dân/năm.	Điều chỉnh tăng định mức hỗ trợ địa phương
7. Chi sự nghiệp thể dục thể thao	**7. Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
a) Cấp thành phố: Được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách; Các đơn vị sự nghiệp công lập Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	**a) Cấp thành phố:** Được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách; Các đơn vị sự nghiệp công lập Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
b) Cấp xã: Phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số: 10.000 đồng/người dân/năm.	**b) Cấp xã:** Phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số: 12.000 đồng/người dân/năm.	Điều chỉnh tăng định mức hỗ trợ địa phương
8. Chi đảm bảo xã hội	**8. Chi đảm bảo xã hội**	
a) **Cấp thành phố:** được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách.	a) **Cấp thành phố:** được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách.	
b) Cấp xã	**b) Cấp xã**	
- Phân bổ chi sự nghiệp đảo bảo xã hội đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số: 25.000 đồng/người dân/năm.	- Phân bổ chi sự nghiệp đảo bảo xã hội đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số: 30.000 đồng/người dân/năm.	Điều chỉnh tăng định mức hỗ trợ địa phương
- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội và các chính sách bảo trợ xã hội khác của địa phương theo quy định của pháp luật.	- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Thực hiện chế độ, chính sách trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội và các chính sách bảo trợ xã hội khác của địa phương theo quy định của pháp luật.	Không thay đổi
9. Chi quốc phòng	**9. Chi quốc phòng**	
a) Cấp thành phố: được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách.	**a) Cấp thành phố:** được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách.	Không thay đổi
b) Cấp xã	**b) Cấp xã**	
- Phân bổ chi hoạt động quốc phòng (bao gồm quân sự, bộ đội biên phòng) đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số: 50.000 đồng/người dân/năm.	- Phân bổ theo tiêu chí dân số là 30.000 đồng/người dân/năm.	Cập nhật, bổ sung phù hợp tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối nguồn lực NSĐP
- Bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách của Dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của địa phương theo Luật Dân quân tự vệ và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), theo nhu cầu thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.	- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Hỗ trợ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách (các khoản phụ cấp, tiền ăn, trợ cấp ngày công lao động của quân dân, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và trợ cấp một lần đối với dân quân thường trực) của Dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo Luật Dân quân tự vệ, Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).	
10. Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội	**10. Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội**	

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
a) Cấp thành phố: được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách.	**a) Cấp thành phố:** được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách.	Không thay đổi
b) Cấp xã	**b) Cấp xã**	
- Phân bổ chi hoạt động an ninh, trật tự, an toàn xã hội đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số: 20.000 đồng/người dân/năm.	- Phân bổ theo tiêu chí dân số là 20.000 đồng/người dân/năm.	Cập nhật, bổ sung phù hợp tình hình thực tế tại địa phương
- Bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách của Dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của địa phương theo Luật Dân quân tự vệ và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), theo nhu cầu thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.	- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: - Hỗ trợ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do địa phương quản lý theo quy định của cấp thẩm quyền, Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định tiêu chí thành lập Tổ và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng và mức hỗ trợ, bồi dưỡng khác đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).	
11. Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	**11. Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
Căn cứ chỉ tiêu được Bộ Tài chính phân bổ cho ngân sách địa phương; Trên cơ sở sở nhu cầu nhiệm vụ chi của các xã, phường và khả năng cân đối của ngân sách địa phương để xác định số phân bổ kinh phí chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho xã, phương thực hiện.	Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển đổi số; căn cứ chỉ tiêu được Trung ương phân bổ và khả năng cân đối ngân sách địa phương để xác định số kinh phí phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho các xã, phường thực hiện theo quy định và theo phân cấp ngân sách.	Cập nhật, bổ sung phù hợp với quy đinh của Trung ương và tình hình thực tế tại địa phương
12. Các sự nghiệp và các khoản chi còn lại (sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường): được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách	**12. Các hoạt động kinh tế**	
a) Cấp thành phố: được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách	**a) Cấp thành phố:** được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách**.**	Không thay đổi
b) Cấp xã: được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách	**b) Cấp xã**	
	- Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số là 80.000 đồng/người dân/năm.	

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
	- Tùy theo tính chất đô thị, phân bổ chi sự nghiệp kinh tế cho các xã, phường như sau:	Điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và đảm bảo nguồn lực cho các xã, phường triển khai thực hiện theo phân cấp ngân sách
	+ Xã, phường là đô thị loại II và đô thị trung tâm hành chính (cấp huyện trước sáp nhập): 20.000 triệu đồng/xã, phường/năm.	
	+ Xã, phường là đô thị loại II còn lại: 15.000 triệu đồng/xã, phường/năm.	
	+ Xã, phường là đô thị loại III: 7.000 triệu đồng/xã, phường/năm.	
	+ Xã, phường còn lại: 5.000 triệu đồng/xã, phường/năm.	
	13. Sự nghiệp môi trường	
	a) Cấp thành phố: được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách**.**	Không thay đổi
	b) Cấp xã	
	- Theo tiêu chí dân số là 50.000 đồng/người dân/năm.	Điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và đảm bảo nguồn lực cho các xã, phường triển khai thực hiện theo phân cấp ngân sách
	- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung cho xã, phường để thực hiện công tác liên quan đến việc thu gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường.	
	+ Xã, phường nơi có nhà máy xử lý rác thải tập trung hoặc trạm trung chuyển rác thải hoặc là đô thị trung tâm hành chính (cấp huyện trước sáp nhập): 5.000 triệu đồng/xã, phường/năm.	
	+ Xã, phường có bãi tập kết rác thải theo quy định: 3.000 triệu đồng/xã, phường/năm.	
	+ Xã, phường còn lại: 2.000 triệu đồng/xã, phường/năm.	
13. Chi khác ngân sách	**14. Chi khác ngân sách**	
- Phân bổ theo tỷ trọng bằng 1% tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ (từ khoản 1 đến khoản 13 nêu trên).	- Chi thường xuyên khác của ngân sách: Phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách của từng xã, phường (từ Mục 1 đến Mục 13 Phụ lục này, không bao gồm định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung).	Điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối nguồn lực NSĐP

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Dự thảo Văn bản	Thuyết minh
- Phân bổ kinh phí cho Quỹ thi đua khen thưởng các cấp theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng hiện hành và theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Các khoản chi khác chưa được cơ cấu trong dự toán theo nhu cầu thực tế và theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương	- Định mức phân bổ chi khen thưởng: Phân bổ theo tỷ trọng bằng 1% các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách của từng xã, phường (từ Mục 1 đến Mục 14 Phụ lục này, không bao gồm định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung).	Điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối nguồn lực NSĐP
	15. Đối với những xã, phường có dân số thấp: Xã, phường có dân số từ mức dân số bình quân chung toàn thành phố là 31.500 dân trở xuống được phân bổ thêm 10% số chi tính theo định mức tiêu chí dân số	**Bổ sung thêm để hỗ trợ các xã, phường đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao**
14. Dự phòng ngân sách: Phân bổ dự phòng ngân sách cấp cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước	**16. Dự phòng ngân sách: Phân bổ dự phòng ngân sách cấp cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước**	**Không thay đổi**
	17. Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên cấp xã (không bao gồm sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề): Được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể nhưng mức định mức tối đa không quá 55 triệu đồng/biên chế/năm	**Bổ sung thêm để các xã, phường có cơ sở vận dụng trong quá trình tổ chức thực hiện**